

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày: 30/11/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Sơn.

2/ Bà Nguyễn Thị Quy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án thụ L số 81/2021/TLST-DS ngày 01/6/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Th, xã Tng L, huyện Tng H, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Ấp 1, xã An Viện, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn T.

Cùng trú tại: Ấp 4, xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H và bà L vắng mặt; ông T và bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2021; bản khai của nguyên đơn ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, nên vào ngày 24/12/2019, vợ chồng ông H, bà L có cho vợ chồng ông T, bà T vay số tiền 500.000.000 đồng thời hạn trả nợ gốc là 06 tháng kể từ ngày 24/12/2019, không có lãi suất.

Khi vay tiền thì ông T, bà T có đưa cho vợ chồng ông H, bà L 01 Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất.

Khi hết thời hạn 06 tháng, ông H và bà T đã nhiều lần đến nhà gặp để lấy tiền vay gốc, nhưng ông T, bà T hẹn nhiều lần và đến nay chưa trả cho vợ chồng ông H, bà L số tiền gốc như đã hẹn.

Vì vậy, vợ chồng ông H, bà L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà T phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 12/2019 đến nay là 18 tháng, cách tính như sau: $500.000.000đ \times 1,67\% \times 18 \text{ tháng} = 140.000.000đ$. Tổng cộng là $500.000.000đ + 140.000.000đ = 640.000.000đ$ (sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

Ông H, bà L bà tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng về giám định chữ ký, chữ viết và không yêu cầu ông T, bà T phải hoàn trả lại số tiền này.

Ngoài ra ông H, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Ngày 20/9/2021, Tòa án có lập biên bản tiến hành ghi lời khai bị đơn ông Lê Văn T trình bày như sau:

Ông T thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 24/12/2019 có chữ ký, chữ viết và dấu vân tay là của ông T, bà T. Do có nhu cầu đầu tư vườn xoài nên ngày 24/12/2019 vợ chồng ông có đến vay tiền tại nhà vợ chồng ông H, bà L số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 4% tức 20.000.000đ mỗi tháng. Vợ chồng ông T, bà T có trả lãi được 06 tháng mỗi tháng là 20.000.000 đồng, sau đó không còn khả năng trả lãi nữa nên không tiếp tục trả cho ông H, bà L. Việc vay tiền diễn ra tại nhà ông H, chỉ có vợ chồng ông và ông H không có ai khác chứng kiến. Việc trả tiền lãi do ông T trực tiếp đến nhà ông H, bà L trả, không có ai chứng kiến, ông H cũng không ghi lại giấy tờ cho ông nên ông không có tài liệu chứng cứ để cung cấp cho Tòa án chứng minh ông đã trả được tiền lãi. Vợ chồng ông đồng ý trả tiền vay gốc và tiền lãi theo yêu cầu của ông H, bà L là 640.000.000đ (sáu trăm bốn mươi triệu đồng) tuy nhiên xin cho vợ chồng ông được trả dần. Bà T tuy đi làm ăn xa, không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng đã được ông thông báo việc khởi kiện của ông H, bà L và đồng ý cùng ông trả nợ. Vì L do công việc nên bà T không xin phép nghỉ về theo yêu cầu của Tòa án được.

Ông T có làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T, tuy nhiên bà T vắng mặt không có L do nên không ghi nhận được ý kiến của bà T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ L giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về quan hệ pháp luật,

xác định tư cách pháp L của đương sự, thẩm quyền thụ L của Tòa án, T tục thu thập chứng cứ đúng quy định. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, T tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự T tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L: ông H, bà L yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T phải trả số tiền vay còn nợ là 640.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 500.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 12/2019 đến tháng 6/2021 là 500.000.000 đồng x 18 tháng x 1.67% = 140.000.000 đồng).

Nguyên đơn có đầy đủ tài liệu chứng cứ chứng minh và được bị đơn thừa nhận nên yêu cầu của nguyên đơn là căn cơ sở và chấp nhận.

- Xét nghĩa vụ bị đơn: Ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó buộc ông T, bà T phải chịu trách nhiệm trả cho ông H, bà L số tiền 640.000.000đ (trong đó tiền gốc là 500.000.000đ và lãi là 140.000.000đ).

- Đối với cách tính lãi: Ông T, bà T cho rằng mức lãi suất 4% đã phải đóng cho ông H, bà L là cao và đã đóng 06 tháng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Bên cạnh đó ông H, bà L yêu cầu tính lãi mức 1.67%/tháng và chỉ tính tới tháng 6/2021 mà không tính tiếp tới khi xét xử (tức không tính thêm 05 tháng nữa). Cách tính lãi của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn do đó ghi nhận và căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tính lãi suất ở mức 1,67% là phù hợp.

Về chi phí tố tụng: Ông H, bà L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc giám định chữ L, chữ viết nên ghi nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Do nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L cung cấp Giấy mượn tiền ngày 29/12/2019, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại xã Thanh Sơn, huyện Định Quán nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Định Quán có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định bà ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L là nguyên đơn; ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

[2.1] Về tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Nguyên đơn cung cấp 01 Giấy mượn tiền ngày 29/12/2019 có chữ ký và chữ viết và dấu vân tay của bị đơn. Các bên đương sự đều thừa nhận và thống nhất các tài liệu chứng cứ nêu trên và không thắc mắc khiếu nại gì về nguồn gốc cũng như nội dung nên những tài liệu chứng cứ được thu thập theo trình tự nêu trên là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L:

- Ông H, bà L yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T phải trả số tiền vay còn nợ là 640.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 500.000.000đ và tiền lãi tính từ tháng 12/2019 đến tháng 6/2021 là $500.000.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 1.67\% = 140.000.000 \text{ đồng}$).

Bị đơn ông Lê Văn T thừa nhận ngày 29/12/2019 có vay của ông H, bà L số tiền 500.000.000đ, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ như nguyên đơn đã trình bày. Nay ông T đồng ý trả cho ông H, bà L số tiền nợ gốc là: 500.000.000đ và tiền lãi là 140.000.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc và lãi là 640.000.000đ đều được các bên thừa nhận và bị đơn đồng ý trả số tiền này nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

Căn cứ các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015 ông T, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó buộc ông T, bà T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông H, bà L số tiền 640.000.000đ.

[2.3] Về cách tính lãi suất:

- Đối với cách tính lãi: Ông T, bà T cho rằng mức lãi suất 4% đã phải đóng cho ông H, bà L là cao và đã đóng 06 tháng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Bên cạnh đó ông H, bà L yêu cầu tính lãi mức 1.67%/tháng và chỉ tính tới tháng 6/2021 mà không tính tiếp tới khi xét xử (tức không tính thêm 05 tháng nữa). Cách tính lãi của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn do đó ghi nhận và căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tính lãi suất ở mức 1,67% là phù hợp.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị T: Mặc dù bà T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến, nhưng Tòa án đã thực hiện giám định chữ ký, chữ viết của bà T và ông T trên giấy mượn tiền ngày 29/12/2019 là hoàn toàn đúng chữ ký, chữ viết của ông T, bà T.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thể hiện ông T, bà T là vợ chồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được và lời trình bày của các bên đương

sự trong vụ án đủ cơ sở chứng minh bà T, ông T vay tiền nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Theo quy định tại các Điều 17, 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 30 và vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”*.

Như vậy có đủ cơ sở buộc bà Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm liên đới với ông Lê Văn T về thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H, bà L.

[3] Về án phí: Khoản tiền vay nợ là 640.000.000 đồng, nên ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T phải chịu là 29.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí 14.000.000đ đã nộp theo biên lai số 0005991 ngày 01/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Văn H và bà Hoàng Thị L tự nguyện chịu chi phí giám định nên ghi nhận. Vì vậy, ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T không phải hoàn trả chi phí giám định cho ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về cơ bản phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 26, 35, 39, 68, 147, 184, 227, 228, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

Các Điều 17, 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L. Buộc ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho ông H, bà L số tiền 640.000.000đ (sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T phải chịu là 29.600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L

số tiền tạm ứng án phí 14.000.000đ đã nộp theo biên lai số 0005991 ngày 01/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Văn H và bà Hoàng Thị L tự nguyện chịu chi phí giám định nên ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T không phải hoàn trả chi phí giám định cho ông Bùi Văn H, bà Hoàng Thị L.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tuấn